CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD

Ngày 31/03/2024	11,350 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	11.3%	**44.8%**	**59.2%**

DT thuần
Q1/24
193
tỷ VNĐ
QoQ: ▼65.0| -25.3%
YoY: ▼38.0| -16.5%

LN thuần
Q1/24
16.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.6| -40.8%
YoY: ▲ 7.55| 80.6%

LN sau thuế
Q1/24
14.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.30| -36.9%
YoY: ▲ 6.18| 75.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
10.3%
YoY: +/-▼ 1.9%

ROE (TTM)
Q1/24
13.0%
YoY: +/-▲ 1.1%

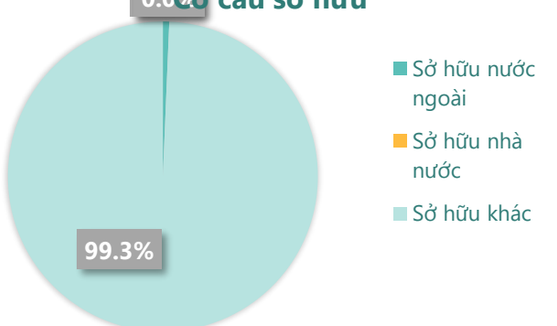
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,151 - 11,350
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	419
Số lượng CPLH (CP)	36,958,816
KLGD BQ 20 phiên (CP)	932,640
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	1.11
EPS	1,570
P/E	7.2

DT thuần
2023
913
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 168| 22.6%

LN thuần
2023
63.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.8| 36.0%

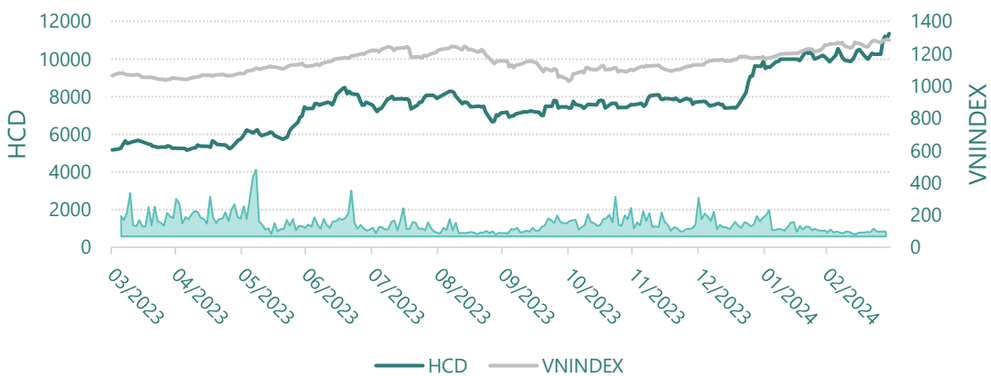
LN sau thuế
2023
51.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.7| 29.0%

Cơ cấu sở hữu

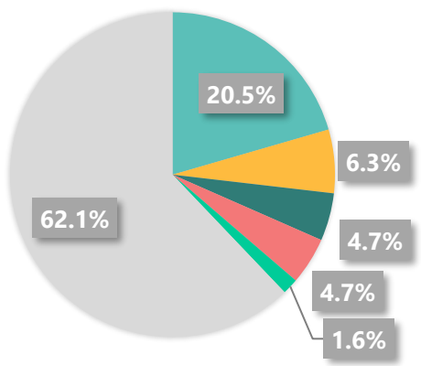


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

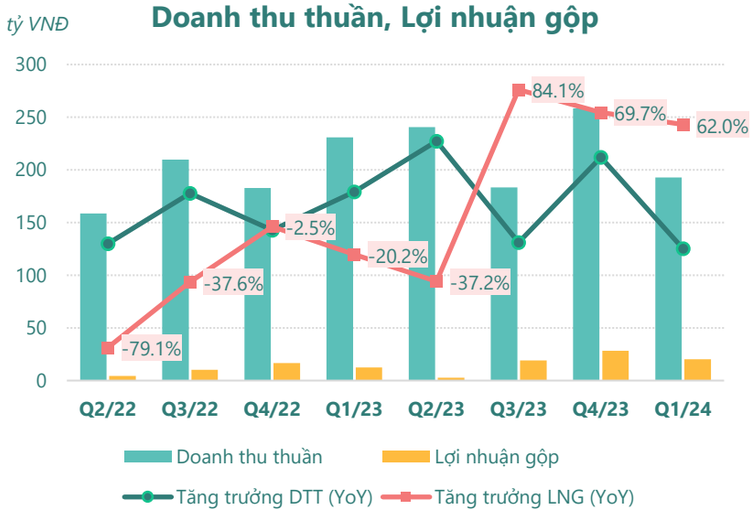


Nguyễn Đức Dũng (Tổng giám đốc)
Phùng Chí Công (Chủ tịch HĐQT)
Vũ Trọng Huân (Phó Tổng giám đốc)
Lâm Thị Yến
Phạm Thị Hương (Thành viên HĐQT)
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

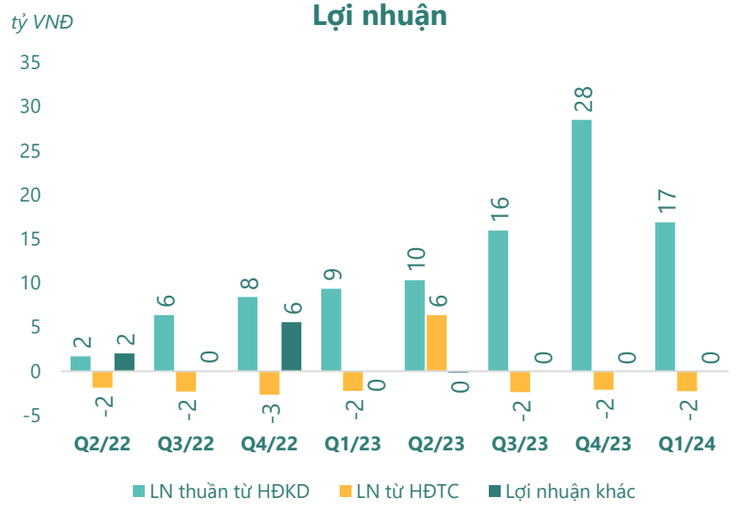
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



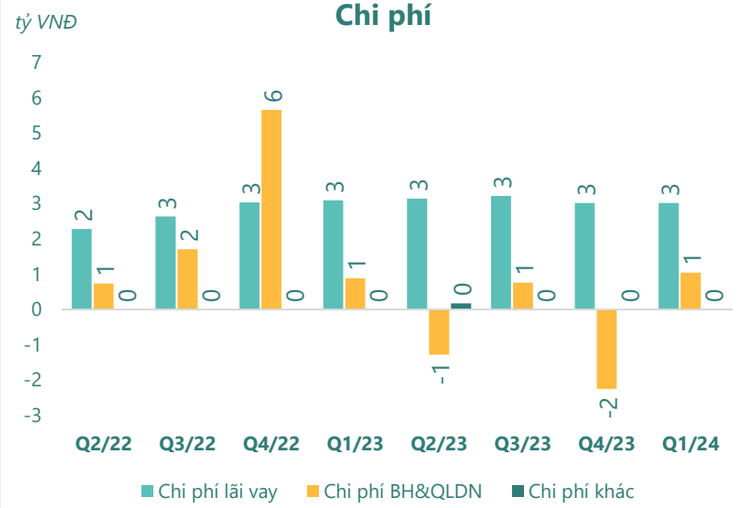
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



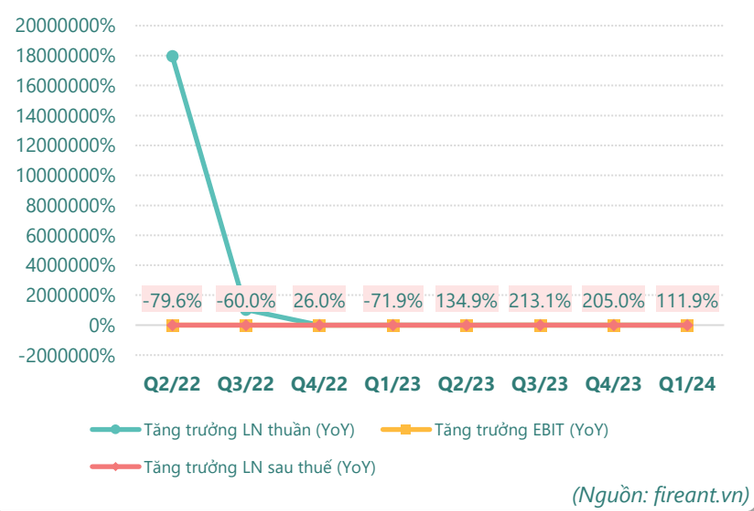
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



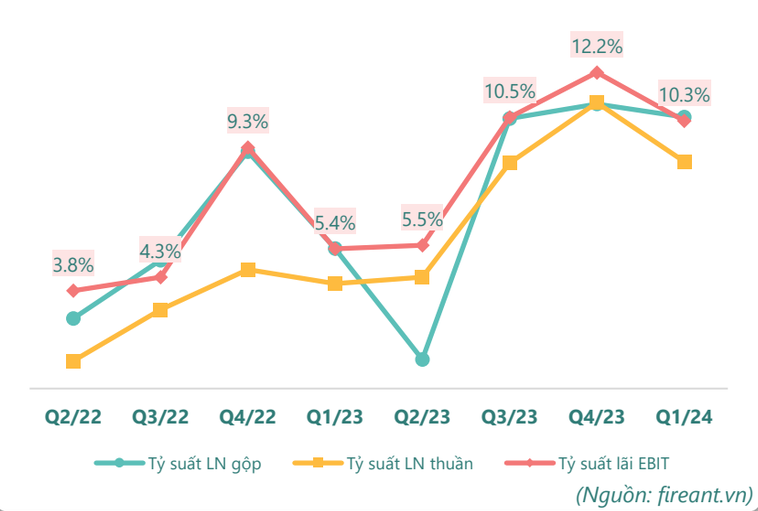
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



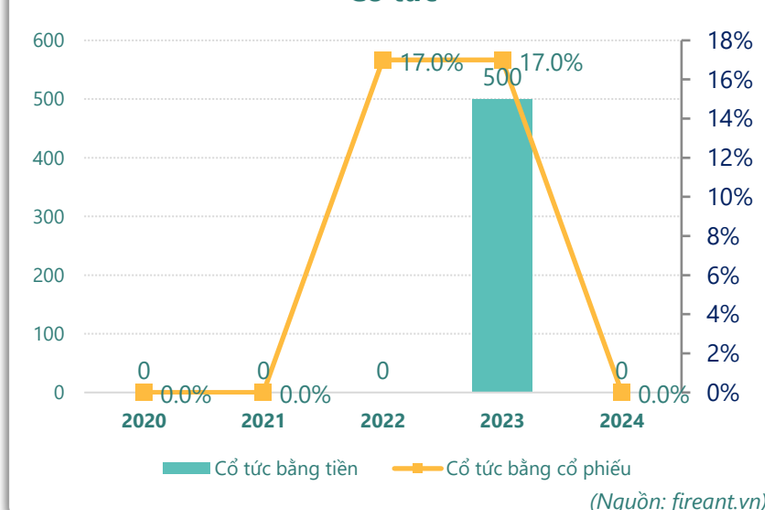
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

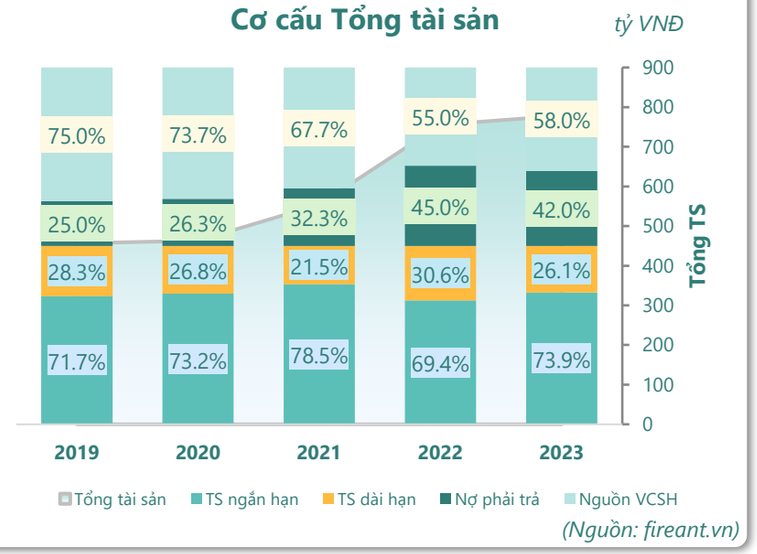
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

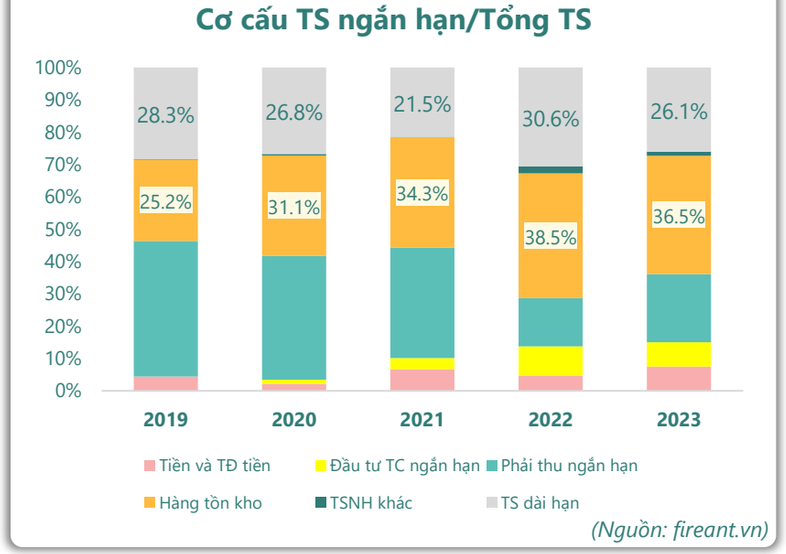
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



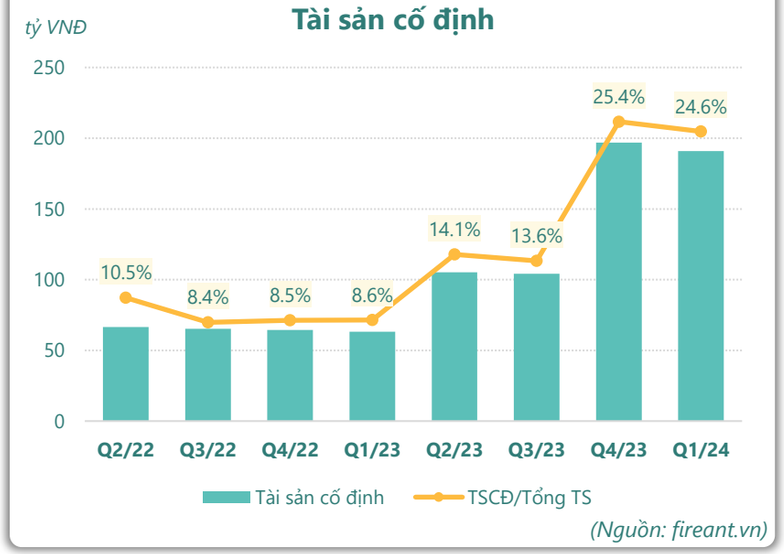
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



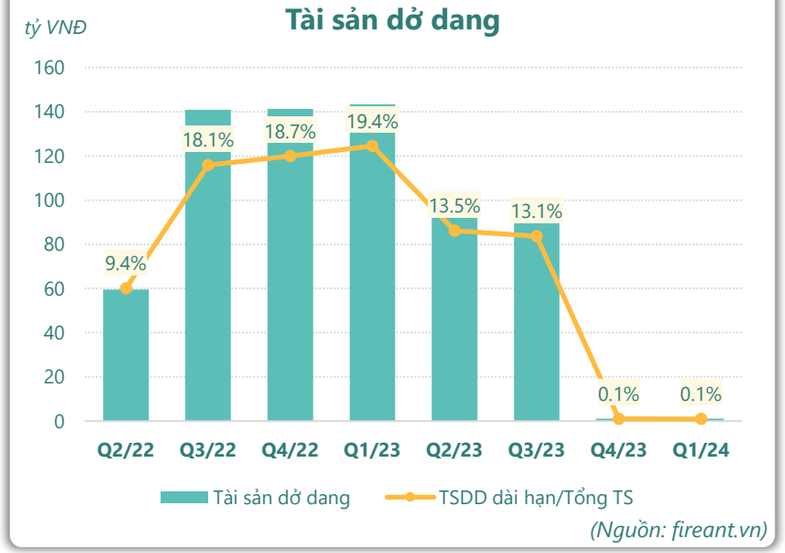
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



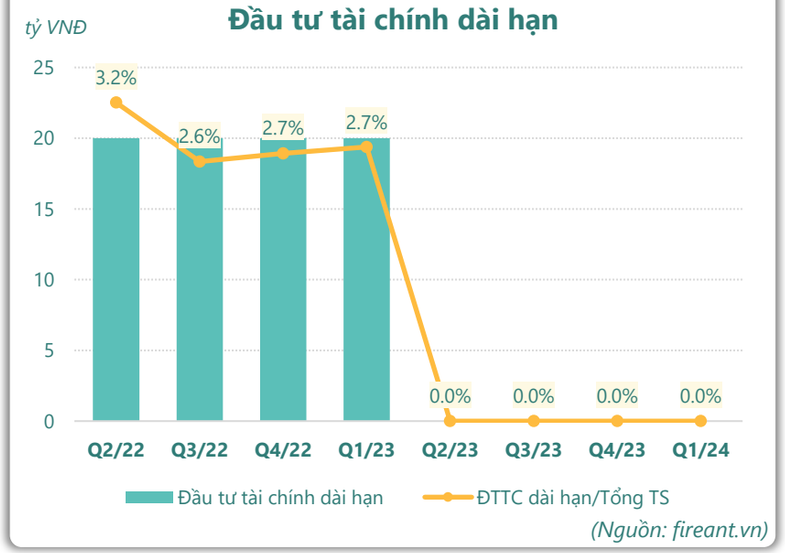
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



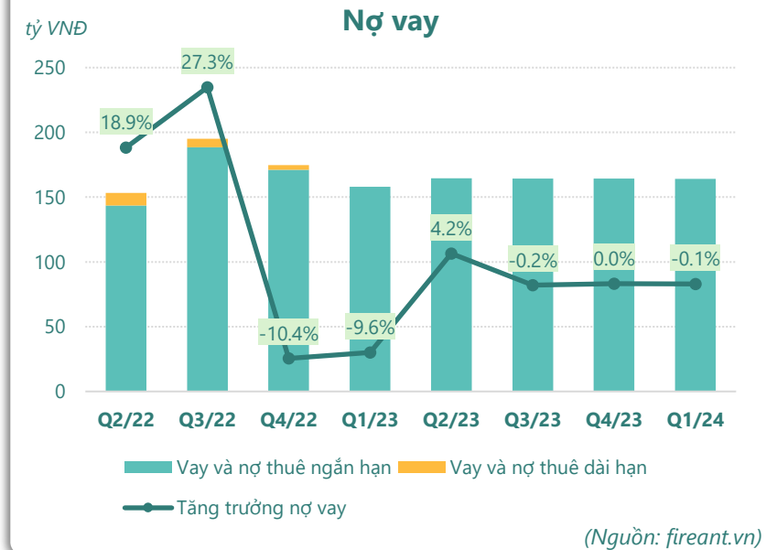
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

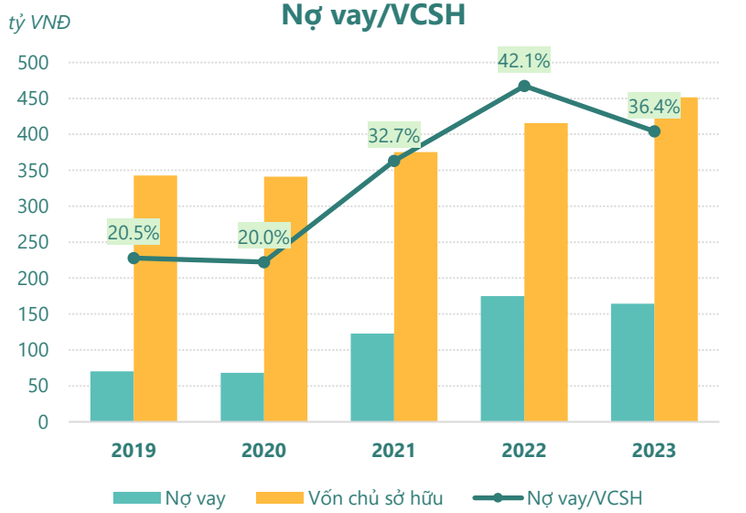
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

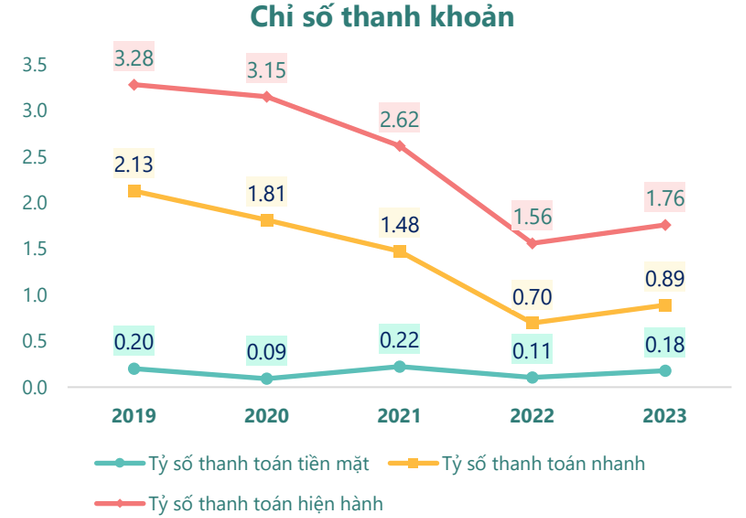
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



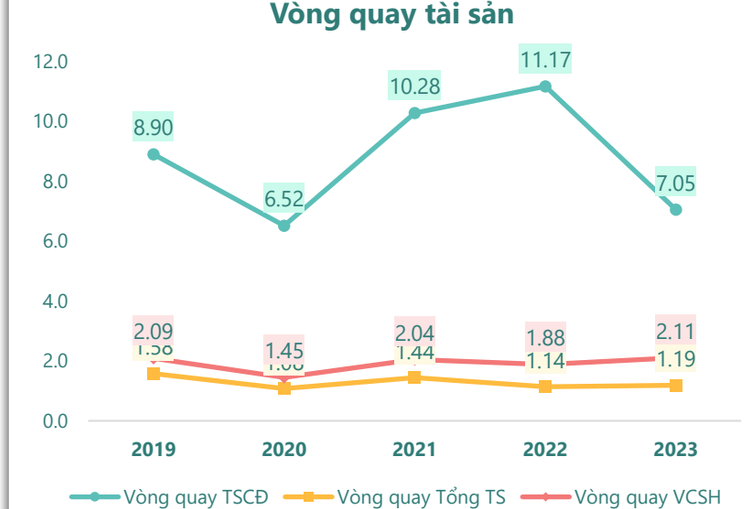
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



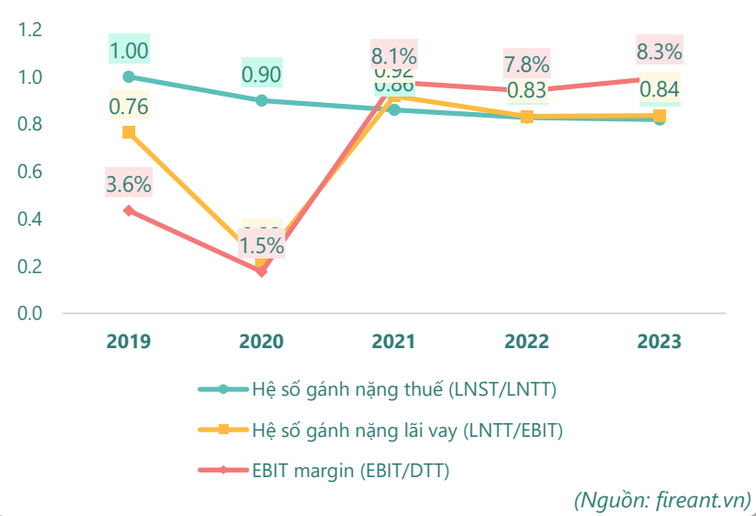
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



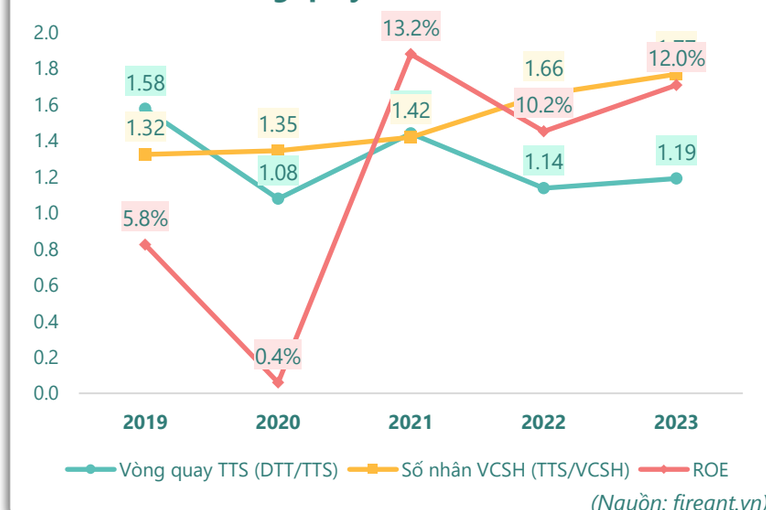
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



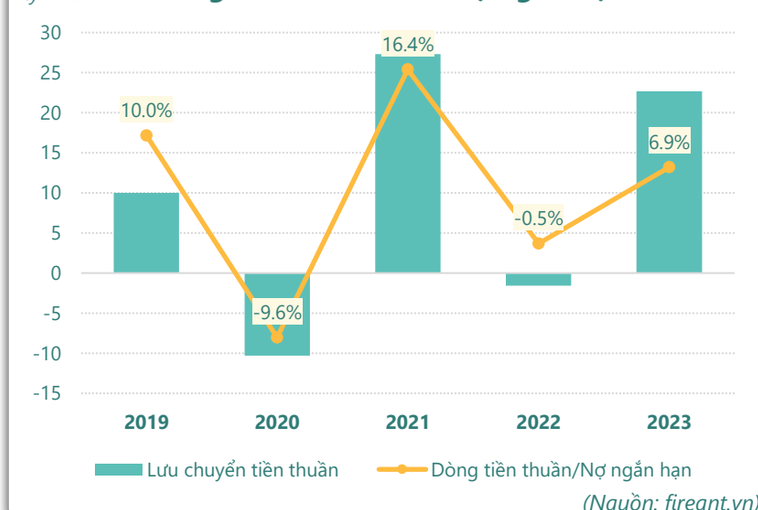
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**193**	**231**	**-16.5%**	**913**	**745**	**22.6%**
Giá vốn hàng bán	173	218	-20.8%	844	698	20.9%
Lợi nhuận gộp	20.2	12.5	61.6%	69.2	46.8	47.8%
Doanh thu HĐTC	0.76	0.86	-12.2%	12.1	13.1	-8.0%
Chi phí TC	3.02	3.09	-2.2%	15.8	10.3	53.9%
Chi phí lãi vay	3.02	3.09	-2.2%	12.4	9.76	26.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.11	0.05	120%	0.46	0.18	149%
Chi phí QLDN	**0.93**	**0.83**	**12.6%**	**1.50**	**2.80**	**-46.3%**
LN thuần từ HĐKD	16.9	9.35	80.6%	63.5	46.7	36.0%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**-0.17**	**1.89**	**-109%**
LN trước thuế	16.9	9.35	80.6%	63.3	48.6	30.4%
Lợi nhuận sau thuế	**14.3**	**8.12**	**75.7%**	**51.9**	**40.2**	**29.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**14.3**	**8.12**	**75.7%**	**51.9**	**40.2**	**29.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	19.6	-9.43	-7.70	-14.5	43.6	-39.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.27	5.35	27.7	-10.6	2.43	0.76
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-20.3	-16.0	5.85	-0.37	-0.01	-0.10
Tiền đầu kỳ	24.7	35.6	15.4	41.3	15.8	58.2
Lưu chuyển tiền thuần	**3.52**	**-20.1**	**25.8**	**-25.5**	**46.0**	**-38.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	28.2	15.4	41.3	15.8	61.8	19.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**777**	**778**	**-0.2%**
Tài sản ngắn hạn	578	576	0.4%
Tiền và tương đương tiền	19.4	58.2	-66.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.8	58.8	0.0%
Phải thu ngắn hạn	188	164	14.3%
Hàng tồn kho	306	285	7.6%
Tài sản ngắn hạn khác	5.96	9.90	-39.8%
Tài sản dài hạn	**199**	**203**	**-1.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	191	194	-1.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.14	1.14	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**7.41**	**7.32**	**1.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	311	327	-4.7%
Nợ ngắn hạn	**311**	**327**	**-4.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	164	164	-0.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	120	135	-11.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**466**	**452**	**3.2%**
Vốn chủ sở hữu	**466**	**452**	**3.2%**
Vốn điều lệ	370	370	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)